

Số: 319 /KH-UBND

Lào Cai, ngày 07 tháng 12 năm 2018

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính tỉnh Lào Cai năm 2019

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Các văn bản của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ:

- Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13/6/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP;

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 22/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

- Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 609/QĐ-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020.

2. Các văn bản của Bộ Nội vụ:

- Quyết định số 3490/QĐ-BNV ngày 10/10/2016 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt đề án "Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020";

- Quyết định số 3853/QĐ-BNV ngày 21/10/2016 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt đề án "Tăng cường năng lực đội ngũ công chức thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020";

- Quyết định số 2948/QĐ - BNV ngày 28/12/2017 của Bộ Nội vụ phê duyệt đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương";

- Quyết định số 2640/QĐ-BNV ngày 10/10/2017 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Đề án: Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2017-2020.

3. Các văn bản của Tỉnh ủy và UBND tỉnh Lào Cai:

- Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 27/11/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về 4 chương trình công tác, 19 đề án trọng tâm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XV, nhiệm kỳ 2015 - 2020, trong đó có Đề án số 19-ĐA/TU ngày 27/11/2015 về: "Đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ, toàn diện trong hệ thống chính trị tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016 - 2020";

- Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 14/3/2016 của Tỉnh ủy Lào Cai về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

- Kế hoạch số 121-KH/TU ngày 01/02/2018 của Tỉnh ủy Lào Cai về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả";

- Kế hoạch số 123-KH/TU ngày 12/02/2018 của Tỉnh ủy Lào Cai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 11/01/2016 của UBND tỉnh Lào Cai triển khai thực hiện Đề án số 19-ĐA/TU ngày 27/11/2015 về: "Đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ, toàn diện trong hệ thống chính trị tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016 - 2020" - Khối các cơ quan hành chính nhà nước;

- Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án "Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền Cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020" tỉnh Lào Cai;

- Kế hoạch số 287/KH-UBND ngày 06/11/2017 của UBND tỉnh Lào Cai về việc triển khai thực hiện đề án: "Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2017-2020" tỉnh Lào Cai;

- Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 03/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai về việc quyết liệt CCHC và tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

- Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 19/3/2018 của UBND tỉnh Lào Cai triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 19/3/2018 thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của

Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

II. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu:

1.1. Mục tiêu chung:

a) Nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh, quyết liệt cải cách hành chính, trọng tâm là lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính (TTHC), chú trọng nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ hành chính công nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh, phát triển kinh tế, bảo đảm an ninh xã hội ở địa phương.

b) Tăng cường kỷ luật kỷ cương, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính; gắn việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính với công tác chuyên môn và coi đây là nhiệm vụ thường xuyên và lâu dài.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

a) 100% các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành bảo đảm đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

b) Rà soát, đơn giản hóa TTHC, thực hiện cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC so với quy định hiện hành đối với 10% tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết. 100% TTHC được thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông (trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP).

c) Chất lượng phục vụ của bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông các cơ quan hành chính nhà nước các cấp được nâng cao. Bảo đảm 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện và các đơn vị hành chính cấp xã trong hệ thống giám sát - đánh giá của tỉnh về chất lượng phục vụ và có từ 95% thể hiện thái độ hài lòng trở lên.

d) 60% sở, ngành, huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn thực hiện chuyển đổi phiên bản áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước (số cơ quan, đơn vị còn lại thực hiện duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 và sẽ thực hiện chuyển đổi phiên bản theo lộ trình phù hợp).

đ) 100% các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trong bộ máy hành chính được rà soát chức năng, nhiệm vụ... để tránh chồng chéo, trùng lặp. Chuyên những việc không nhất thiết phải cơ quan nhà nước thực hiện hoặc thực hiện không hiệu quả cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội đảm nhận.

e) Thực hiện việc sắp xếp tổ chức và tinh giản biên chế, bảo đảm hoàn thành 100% kế hoạch tinh giản biên chế năm 2019.

g) Xây dựng cơ chế phù hợp để bố trí và sử dụng nguồn nhân lực có chất lượng; cơ chế đề bạt, bổ nhiệm cạnh tranh vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý. Xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá, kịp thời xử lý các hành vi trái pháp luật, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

h) 100% các cơ quan, đơn vị triển khai việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC trên phần mềm dịch vụ hành chính công (VNPT-iGate).

2. Nhiệm vụ:

2.1. Cải cách thể chế:

a) Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo các văn bản được ban hành kịp thời, đúng quy trình, đảm bảo tính khả thi, hợp hiến, hợp pháp và thống nhất trong hệ thống pháp luật; quy định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong việc xây dựng và thực hiện các thể chế được ban hành. Tăng cường dân chủ, quyền giám sát của nhân dân trong xây dựng thể chế, chính sách.

b) Thực hiện tự kiểm tra, kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời phát hiện và xử lý những văn bản có nội dung không đúng quy định của pháp luật, thiếu đồng bộ, không phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

c) Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh, phổ biến kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân biết, thực hiện theo quy định của pháp luật.

d) Thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật nhằm xem xét, đánh giá thực trạng thi hành pháp luật, kiến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

đ) Chuẩn hóa quy trình tiếp thu ý kiến và yêu cầu các cơ quan chức năng giải quyết kịp thời ý kiến, kiến nghị của cử tri trước, trong và sau kỳ họp HĐND các cấp.

2.2. Cải cách thủ tục hành chính:

a) Triển khai các hoạt động kiểm soát TTHC. Tiếp tục rà soát, đánh giá, đơn giản hóa TTHC theo kế hoạch, Đề án 1648 và theo quy định của Chính phủ trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước.

b) Công bố TTHC/danh mục TTHC đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, đồng bộ, thống nhất, minh bạch và đúng thời hạn, tạo điều kiện cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhân dân kiểm tra, giám sát việc giải quyết TTHC.

c) Niêm yết, công khai TTHC bảo đảm kịp thời, đầy đủ, rõ ràng, chính xác các TTHC dưới các hình thức thiết thực và thích hợp, tạo thuận lợi tối đa cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện TTHC.

d) Tiếp tục cải cách quy trình xử lý hồ sơ, công việc trong nội bộ từng cơ quan, đơn vị và giữa các cơ quan, các cấp với nhau để sử dụng các nguồn lực được hiệu quả, rút ngắn thời gian giải quyết công việc, giảm thời gian thực hiện các TTHC, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

đ) Đổi mới phương thức cung ứng dịch vụ hành chính công theo hướng đơn giản, liên thông, liên kết, hiện đại và trực tuyến.

e) Cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Tiếp tục nghiên cứu các phương án thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (khi đủ điều kiện, thiết thực, hiệu quả và khả thi).

Triển khai thực hiện dự án: Nâng cấp bộ phận một cửa liên thông điện tử đơn vị hành chính cấp xã tại các huyện: Văn Bàn (01 đơn vị cấp xã); Bảo Thắng (02 đơn vị cấp xã); Bảo Yên (01 đơn vị cấp xã); Mường Khương (01 đơn vị cấp xã); Bát Xát (01 đơn vị cấp xã); Si Ma Cai (01 đơn vị cấp xã).

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy:

a) Tổ chức thực hiện rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế hiện có của các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Trên cơ sở đó, phân định chức năng quản lý nhà nước và sự nghiệp công; xóa bỏ chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ; điều chỉnh, bổ sung những nhiệm vụ mới cho phù hợp với yêu cầu quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; khuyến khích và tạo điều kiện hình thành và phát triển các đơn vị sự nghiệp theo hướng hoạt động tự chủ, đặc biệt là các đơn vị sự nghiệp cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục, thể thao, môi trường...

Triển khai các hoạt động: Cải cách tổ chức bộ máy và phê duyệt đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập (do Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố thực hiện).

b) Tiếp tục thực hiện phân cấp hợp lý về quản lý cán bộ, quản lý đầu tư, ngân sách theo hướng: Đẩy mạnh phân cấp quản lý giữa UBND tỉnh với các sở, ngành, huyện, thành phố và giữa huyện, thành phố với xã, phường, thị trấn, bảo đảm tương ứng giữa nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm, đồng bộ với nguồn lực tài chính, phù hợp với năng lực của cán bộ, công chức và các điều kiện cần thiết khác; đồng thời, loại bỏ tình trạng đùn đẩy trách nhiệm giữa các ngành, các cấp.

c) Nâng cao năng lực và hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền cơ sở.

d) Tổ chức thực hiện hiệu quả chức năng, nhiệm vụ HĐND các cấp.

Tiếp tục thực hiện nội dung: Nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐND tỉnh (do Văn phòng HĐND tỉnh chủ trì).

đ) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính trong bộ máy chính quyền của tỉnh.

Triển khai các hoạt động (do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố thực hiện), bao gồm:

- Kiểm tra việc duy trì, áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 năm 2019.

- Tập huấn kiến thức về Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2015 cho các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Cử cán bộ đi đào tạo chuyên gia đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng cho cán bộ, công chức thực hiện việc kiểm tra của Sở Khoa học và Công nghệ và một số sở, ngành.

e) Thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế giai đoạn 2016 - 2020.

Triển khai các hoạt động thực hiện chính sách tinh giản biên chế các cơ quan hành chính sự nghiệp năm 2019 (do Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố thực hiện).

2.4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:

a) Thực hiện Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính.

Triển khai hoạt động: Xây dựng điều chỉnh vị trí việc làm và số người làm việc trong cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (do Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố thực hiện).

b) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, hợp lý về cơ cấu gắn với vị trí việc làm trên cơ sở xác định rõ về chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị. Từng bước xây dựng hệ thống vị trí chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ cán bộ, công chức, viên chức kể cả cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý.

c) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp. Đổi mới nội dung và chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng theo các hình thức: bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, viên chức; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng làm việc theo vị trí chức danh và chuyên ngành dành cho các đối tượng công chức.

Thực hiện Đề án: Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức (do Sở Nội vụ chủ trì thực hiện theo đề án số 16-ĐA/TU). Trong đó: Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ về công tác cải cách hành chính cho cán bộ, công chức làm công tác cải cách hành chính; làm tại bộ phận một cửa trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

d) Đổi mới và hoàn thiện chế độ tuyển dụng, bố trí, phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và phẩm chất của công chức, viên chức trúng tuyển.

Thực hiện chế độ thi nâng ngạch, thi tuyển lãnh đạo (cấp sở và tương đương trở xuống) theo nguyên tắc cạnh tranh.

đ) Hoàn thiện cơ chế đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo kết quả công việc; xây dựng cơ chế trả thu nhập và khen thưởng theo kết quả hoàn thành công việc; vinh danh cán bộ, công chức, viên chức tiêu biểu.

Thực hiện Đề án: Hoàn thiện nâng cấp phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ công chức và đánh giá cán bộ công chức (do Sở Nội vụ chủ trì).

e) Tiếp tục hoàn thiện chính sách đào tạo, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia trên các lĩnh vực.

g) Có giải pháp thiết thực nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng chế tài đối với việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

2.5. Cải cách tài chính công:

a) Tiếp tục cải tiến quy trình, TTHC trong quản lý ngân sách.

b) Đẩy mạnh cải cách hành chính trong quản lý chi tiêu công, tập trung cải cách hành chính trong lĩnh vực quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý vốn nhà nước trong các doanh nghiệp địa phương.

c) Đổi mới cơ chế phân bổ và sử dụng ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước dựa trên kết quả và chất lượng hoạt động, hướng vào kiểm soát đầu ra, mục tiêu, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước; nghiên cứu hình thành quỹ tiền lương nhằm tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức.

d) Thực hiện phân cấp quản lý ngân sách phù hợp và tăng quyền chủ động trong huy động nguồn thu, thực hiện nhiệm vụ chi, kịp thời đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội cho các chính quyền. Thực hiện phân cấp quản lý tài chính phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của từng cơ quan hành chính, sự nghiệp.

đ) Tiếp tục đổi mới cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về hoạt động, tổ chức bộ máy, con người, tài chính... của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công theo hướng tự chủ, công khai, minh bạch; chuyên dân các hoạt động sự nghiệp sang cơ chế có thu tự trang trải hoặc tiến hành xã hội hóa để các thành phần kinh tế khác tham gia; từng bước xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ công.

e) Tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí chi cho hoạt động sự nghiệp. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp.

Thực hiện đề án: Đẩy mạnh và hoàn thiện các cơ chế tài chính. Tổ chức đánh giá mức độ tác động của cơ chế tự chủ tài chính và khoán kinh phí hành chính cho các cơ quan HCNN và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh (do Sở Tài chính chủ trì thực hiện).

2.6. Hiện đại hóa nền hành chính:

a) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước để thực hiện liên thông giữa các cơ quan trong cùng cấp và các cấp hành chính nhằm hiện đại hóa nền hành chính, nâng cao tính công khai, minh bạch, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, tăng tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động, giảm thời gian, số lần người dân, doanh nghiệp phải đến trực tiếp cơ quan nhà nước thực hiện các TTHC.

Triển khai hoạt động: Kiểm tra đánh giá công tác ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa nền hành chính; tổ chức đánh giá xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin thúc đẩy cải cách hành chính; Nâng cao năng lực, phát triển nguồn nhân lực CNTT trong các cơ quan Nhà nước; Duy trì, cải thiện và tổ chức đánh giá, xác định hàng năm về Chỉ số công nghệ thông tin (ICT INDEX) (do Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố thực hiện).

b) Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin đến các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện đồng bộ, hiện đại, an toàn, an ninh thông tin, từng bước mở rộng đến cấp xã, đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin của toàn tỉnh, phát triển chính quyền điện tử.

c) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả hệ thống quản lý văn bản và điều hành; kết nối, công khai kết quả tiếp nhận, xử lý văn bản trong các cơ quan nhà nước trên Cổng TTĐT Chính phủ.

d) Tiếp tục cập nhật các chuyên mục Cải cách thủ tục hành chính trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Lào Cai để tuyên truyền các văn bản chỉ đạo điều hành về công tác cải cách hành chính và tiến độ thực hiện trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

đ) Đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ bảo đảm tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC.

e) Đẩy mạnh triển khai hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện hoạt động:

- Thuê phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (do Sở Thông tin - Truyền thông chủ trì).

- Thuê phần mềm dịch vụ hành chính công (một cửa điện tử); thuê phần mềm công nghệ thông tin điện tử tỉnh Lào Cai (do Văn phòng UBND tỉnh chủ trì).

2.7. Công tác tuyên truyền và chỉ đạo thực hiện công tác cải cách hành chính:

a) Công tác tuyên truyền cải cách hành chính:

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền CCHC phù hợp với từng mục tiêu, yêu cầu, nội dung tuyên truyền, phổ biến đến từng loại đối tượng. Cổng

thông tin điện tử tỉnh và các trang thông tin điện tử có các chuyên mục dành riêng về công tác CCHC; xây dựng chuyên mục, chuyên trang về CCHC để tuyên truyền và phản hồi ý kiến của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về công tác CCHC của các cơ quan HCNN trong tỉnh.

Triển khai các hoạt động:

- Tuyên truyền về Chương trình CCHC trên sóng Phát thanh - Truyền hình tỉnh Lào Cai: Mỗi tháng 02 chuyên mục phát thanh và 02 chuyên mục truyền hình (do Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh chủ trì thực hiện).

- Tổ chức tuyên truyền CCHC bằng hình thức sân khấu khóa cho đồng bào vùng sâu, vùng cao (do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì thực hiện).

- Tổ chức tuyên truyền CCHC do các huyện, thành phố chủ trì thực hiện bằng hình thức Pano, khẩu hiệu và trên sóng phát thanh - truyền hình của huyện, thành phố.

- Thực hiện công tác tuyên truyền việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại Bộ phận Một cửa các ngành, các cấp.

b) Công tác chỉ đạo, điều hành về CCHC của các cấp, các ngành:

- Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 27/11/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về 4 chương trình công tác, 19 đề án trọng tâm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XV, nhiệm kỳ 2015 - 2020, trong đó có Đề án số 19-ĐA/TU ngày 27/11/2015 về: "Đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ, toàn diện trong hệ thống chính trị tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016 - 2020". Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 11/01/2016 của UBND tỉnh Lào Cai triển khai thực hiện Đề án số 19-ĐA/TU ngày 27/11/2015 về: "Đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ, toàn diện trong hệ thống chính trị tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016 - 2020" - Khối các cơ quan hành chính nhà nước.

- Tổ chức bồi dưỡng, phổ biến và quán triệt nội dung, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CCHC nhà nước cho đội ngũ cán bộ, công chức.

- Tổ chức đánh giá, xác định Chỉ số CCHC (PAR INDEX) cấp tỉnh, Chỉ số PAPI và Chỉ số CCHC áp dụng cho các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố năm 2019.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình và chất lượng hoạt động của cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Tổ chức điều tra, khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với công tác CCHC.

- Triển khai các hoạt động, dự án:

+ Nâng cấp, sửa chữa, mua sắm, lắp đặt hệ thống thông tin họp trực tuyến tỉnh và huyện - xã của tỉnh Lào Cai gồm: Nâng cấp hệ thống thông tin họp trực tuyến tỉnh - huyện; Xây dựng hệ thống thông tin họp trực tuyến huyện - xã (do UBND các huyện, thành phố chủ trì).

+ Xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với Bộ Giáo dục và Đào tạo, giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với Phòng Giáo dục và đào tạo các huyện, thành phố và các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (thực hiện đề án thí điểm phát triển đô thị thông minh theo Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 7/2/2018 của UBND tỉnh Lào Cai, do Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì).

+ Xây dựng phòng họp trực tuyến của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì).

+ Xây dựng phòng họp trực tuyến của Sở Công Thương (do Sở Công Thương chủ trì).

+ Kinh phí mua sắm trang thiết bị cho phòng họp trực tuyến (do Thanh tra tỉnh chủ trì).

+ Đầu tư hệ thống giao ban trực tuyến ngành y tế (Sở Y tế với các bệnh viện tuyến huyện) do Sở Y tế chủ trì.

(Chi tiết theo Phụ lục về hoạt động gắn với khái toán kinh phí thực hiện chương trình cải cách hành chính tỉnh Lào Cai năm 2019 kèm theo).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện:

Kinh phí thực hiện Chương trình từ các nguồn: Ngân sách địa phương, ngân sách Trung ương, nguồn khác (nếu có). Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm tiếp nhận kinh phí hỗ trợ triển khai thực hiện các Chương trình, Dự án cải cách hành chính của Bộ, ngành Trung ương. Khuyến khích huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để triển khai thực hiện Chương trình cải cách hành chính.

Tổng kinh phí thực hiện năm 2019: 23.320 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn kinh phí chi thường xuyên theo định mức: 110 triệu đồng.
- Nguồn xã hội hoá: 200 triệu đồng.
- Ngân sách cấp bổ sung: 23.010 triệu đồng.

2. Tổ chức thực hiện:

2.1. Trách nhiệm của Sở Nội vụ:

- a) Là cơ quan thường trực tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.
- b) Chủ trì việc triển khai các nội dung cải cách tổ chức bộ máy hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và các nội dung khác liên quan.
- c) Hướng dẫn các sở ban, ngành thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố xây dựng Kế hoạch CCHC và ngân sách thực hiện năm 2019. Tổng hợp kế hoạch CCHC năm của tỉnh; kiểm tra và tổng kết quả thực hiện theo Kế hoạch này; xây dựng báo cáo quý, 6 tháng và năm trình UBND tỉnh ban hành theo quy định.

d) Tham mưu cho UBND tỉnh quyết định các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện CCHC.

đ) Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá công tác CCHC để làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả thực hiện hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo kế hoạch của tỉnh.

e) Nghiên cứu và hướng dẫn phương pháp đánh giá mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với dịch vụ hành chính do cơ quan hành chính nhà nước cung cấp.

g) Phối hợp với các cơ quan: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Báo Lào Cai, Đài Phát thanh - Truyền hình; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan để xây dựng, thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính hiệu quả, thiết thực.

2.2. Trách nhiệm của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Thẩm định nguồn vốn, dự toán chi tiết các hoạt động CCHC, trình UBND tỉnh quyết định giao dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch CCHC năm 2019 cho các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì các hoạt động.

2.3. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố:

Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch; lập dự toán kinh phí thực hiện công tác CCHC gửi về Sở Nội vụ theo dõi và Sở Tài chính để thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính các cơ quan, đơn vị có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết. / *du*

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- TT TƯ, HDND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Sở Nội vụ (03 bản);
- Báo Lào Cai;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH₂, VX₁, NC_{2,3}, KSTT. *du*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Xuân Phong

Phụ lục
HOẠT ĐỘNG GẮN VỚI KHAI TOÁN KINH PHÍ
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH LÀO CAI NĂM 2019

(Bao gồm thực hiện Đề án số 19 - ĐA/TU về: "Đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ, toàn diện trong hệ thống chính trị tỉnh Lào Cai"
 Khỏi các cơ quan hành chính nhà nước năm 2019)

(Kèm theo Kế hoạch số: 319/KH-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Chỉ số/Kết quả/Mục tiêu	Kinh phí (khái toán) năm 2019					Phân công		
			Tổng kinh phí	Trong đó				Thực hiện	Phối hợp	
				Nguồn dự toán chỉ TX theo định mức	Nguồn xã hội hóa	Nguồn ngân sách tính cấp bổ sung	Trong đó			
					Nguồn sự nghịệp đầu tạo	Nguồn sự nghịệp khoa học				
1	Cải cách thủ tục hành chính		3.033			3.033	0	0		
Hoạt động 1.1	Tiếp tục triển khai thực hiện kiểm soát TTHC giai đoạn 2016 - 2020.	100% các sở, ngành, UBND huyện, thành phố rà soát, cập nhật TTHC	191			191			Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố
Hoạt động 1.2	Triển khai áp dụng một cửa liên thông điện tử tại các đơn vị hành chính cấp xã, gồm: Văn Bàn (01 đơn vị cấp xã); Bảo Thắng (02 đơn vị cấp xã); Bảo Yên (01 đơn vị cấp xã); Mường Khương (01 đơn vị cấp xã); Bát Xát (01 đơn vị cấp xã); Si Ma Cai (01 đơn vị cấp xã).	100% thủ tục hành chính tại các đơn vị được thực hiện theo cơ chế một cửa và cơ chế một cửa liên thông với cấp huyện.	2.842			2.842			UBND các huyện, thành phố	UBND huyện Văn Bàn; Bảo Thắng; Bảo Yên; Mường Khương; Bát Xát; Si Ma Cai

2	Cải cách tổ chức bộ máy		290			290	0	90		
Hoạt động 2.1	Cải cách tổ chức bộ máy năm 2019	100% các cơ quan, đơn vị, các huyện, thành phố năm 2019 thường xuyên được rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng dẫn của TW.	50			50			Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố
Hoạt động 2.2	Xây dựng điều chỉnh vị trí, việc làm và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (gộp cả hoạt động 3.7 trong biểu kế hoạch chi tiết ban hành kèm theo Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 11/01/2016)	100% các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng vị trí việc làm.	100			100			Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố
Hoạt động 2.3	Kiểm tra việc duy trì, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2008	100% các cơ quan, đơn vị, các huyện, thành phố được kiểm tra, đánh giá việc triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008.	30			30		30	Sở Khoa học - Công nghệ	Các đơn vị đã áp dụng Hệ thống ISO 9001 - 2008
Hoạt động 2.4	Tập huấn kiến thức Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn 9001 - 2008 cho các cơ quan hành chính nhà nước, xây dựng và duy trì HTQLCL trên địa bàn tỉnh.	100% các cán bộ phụ trách ISO của các cơ quan, đơn vị được bồi dưỡng kiến thức HTQLCL ISO 9001:2008	20			20		20	Sở Khoa học - Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố
Hoạt động 2.5	Cử cán bộ đi đào tạo chuyên gia đánh giá HTQLCL cho các cán bộ thực hiện việc kiểm tra của Sở Khoa học - CN và một số sở ngành.	100% cán bộ tự đánh giá HTQLCL sau khi được đào tạo, tập huấn.	40			40		40	Sở Khoa học - Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố
Hoạt động 2.6	Xây dựng, triển khai thực hiện tình hình biên chế các cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp năm 2019	Các cơ quan thực hiện đúng theo quy định	50			50			Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và các đơn vị sự nghiệp

3	Nâng cao chất lượng cán bộ, công chức		260			260	260	0		
Hoạt động 3.1	Xây dựng Đề án Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan hành chính.	100% các cơ quan HCNN thực hiện vị trí việc làm và ngạch công chức	Kinh phí thực hiện theo Đề án số 16-ĐA/TU				Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố		
Hoạt động 3.2	Xây dựng Đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức	Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên	Kinh phí thực hiện theo Đề án số 16-ĐA/TU				Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố		
Hoạt động 3.3	Tổ chức 5 lớp bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ về công tác cải cách hành chính cho cán bộ, công chức làm công tác cải cách hành chính; làm tại bộ phận một cửa trên địa bàn tỉnh Lào Cai (KL số 413/KL-TU ngày 20/11/2017).	Năng lực đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị được nâng lên.	260			260	260	Sở Nội vụ (Phòng CCHC)	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố	
4	Cải cách tài chính công		50	50	0	0	0	0		
Hoạt động 4.1	Dẩy mạnh và hoàn thiện các cơ chế tài chính, đồng thời đánh giá mức độ tác động của cơ chế tự chủ tài chính và khoán kinh phí hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cập nhật thường xuyên và cải cách cơ chế tài, phân cấp cho các cơ quan, đơn vị	50	50				Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố	
5	Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước		17.601	0	0	17.601	186	0		
Hoạt động 5.1	Tổ chức kiểm tra đánh giá công tác ứng dụng CNTT, hiện đại hóa nền hành chính.	100% các cơ quan, đơn vị được kiểm tra đánh giá về công tác ứng dụng CNTT	29			29		Sở Thông tin - Truyền thông	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố	

Hoạt động 5.2	Tổ chức đánh giá xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT thúc đẩy CCHC	Hàng năm tổ chức đánh giá mức độ ứng dụng CNTT	22			22		Sở Thông tin - Truyền thông	Sở Nội vụ
Hoạt động 5.3	Nâng cao năng lực, phát triển nguồn nhân lực CNTT trong các cơ quan Nhà nước	100% cán bộ, công chức CNTT của các sở ngành, huyện, thành phố được bồi dưỡng kiến thức về CNTT	186			186	186	Sở Thông tin - Truyền thông	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố
Hoạt động 5.4	Thuê phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc.	Dưỡng truyền phần mềm Q1.VB và HSCV luôn đảm bảo yêu cầu cho công việc	1.500			1.500		Sở Thông tin - Truyền thông	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố
Hoạt động 5.5	Hoàn thiện nâng cấp phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ công chức và đánh giá cán bộ công chức (năm 2018 cấp 50%, 2019 cấp 50%)	100% hồ sơ cán bộ, công chức của tỉnh được lưu trữ và được đánh giá hàng năm theo quy định	918			918		Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố
Hoạt động 5.6	Nâng cấp, sửa chữa, mua sắm, lắp đặt hệ thống thông tin hợp trực tuyển tỉnh và huyện - xã của tỉnh Lào Cai (hoạt động năm 2018 chuyển sang)	Hệ thống thông tin hợp trực tuyển tỉnh - huyện được nâng cấp - Trong năm đưa hệ thống thông tin hợp trực tuyển huyện - xã vào hoạt động	9.474			9.474		UBND các huyện, thành phố	UBND các huyện, thành phố
	<i>• Nâng cấp hệ thống thông tin hợp trực tuyển tỉnh - huyện</i>	<i>1- Nâng cấp: 300 triệu, trong đó: Huyện Bát Xát(200 triệu), huyện Bắc Hà (100 triệu) - 715 triệu</i>							

	+ Xây dựng hệ thống thông tin họp trực tuyến huyện - xã	1- Bổ trí: tại huyện 2 điểm (Huyện ủy và UBND huyện). Tại xã: mỗi xã 1 điểm - 8.759 triệu 2- Kinh phí (khất toán): Thành phố Lào Cai (2.000 triệu); huyện Bảo Thắng (460 triệu); huyện Bảo Yên (600 triệu); huyện Bát Xát (1.500 triệu); huyện Bắc Hà (1.500 triệu); huyện Si Ma Cai (450 triệu); huyện Văn Bàn (750 triệu); huyện Mường Khương (799 triệu); huyện Sa Pa (700 triệu).							
Hoạt động 5.7	Thuê phần mềm dịch vụ hành chính công (một cửa điện tử)	Đường truyền phần mềm đảm bảo yêu cầu công việc	1.426			1.426		Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố
Hoạt động 5.8	Thuê phần mềm công thông tin điện tử tỉnh Lào Cai	Đường truyền phần mềm đảm bảo yêu cầu công việc	230			230		Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố
Hoạt động 5.9	Xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với Bộ Giáo dục và Đào tạo, giữa Sở Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố và các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (thực hiện Đề án thí điểm phát triển đô thị thông minh theo Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 7/2/2018 - năm 2018 cấp 50%, 2019 cấp 50%)	Hệ thống trực tuyến giữa Sở GD-ĐT với Bộ GD-ĐT, giữa Sở GD-ĐT với phòng GD-ĐT các huyện, thành phố hoàn thành trước tháng 12/2019	2.500			2.500		Sở Giáo dục - Đào tạo	Phòng Giáo dục - Đào tạo các huyện, thành phố

Hoạt động 5.10	Xây dựng phòng họp trực tuyến của Sở Lao động - TBXH	Phòng họp trực tuyến hoàn thành xong trong năm 2019	100			100		Sở Lao động - TBXH	
Hoạt động 5.11	Xây dựng phòng họp trực tuyến của Sở Công thương	Phòng họp trực tuyến hoàn thành xong trong năm 2019	100			100		Sở Công thương	
Hoạt động 5.12	Kinh phí mua sắm trang thiết bị cho phòng họp trực tuyến	Trang thiết bị cho phòng họp trực tuyến của Thanh tra tỉnh được hoàn thành trong năm 2019	100			100		Thanh tra tỉnh	Thuộc đề án phát triển CNTT 2017-2020 (QĐ 391/QĐ-UBND ngày 30/12/2016)
Hoạt động 5.13	Đầu tư hệ thống giao ban trực tuyến ngành y tế (Sở Y tế với các bệnh viện tuyến huyện)	Thực hiện giao ban trực tuyến Sở Y tế với 09 bệnh viện huyện, thành phố	1.016			1.016		Sở Y tế	Thông báo số 325/TB-VPUBND ngày 21/8/2018 của VP UBND tỉnh
6	Công tác tuyên truyền về CCHC		820			820	0	0	
Hoạt động 6.1	Tổ chức tuyên truyền về Chương trình CCHC trên sóng truyền hình Lào Cai	Xây dựng 24 chuyên mục/năm (mỗi tháng 2 chuyên mục)	347			347		Sở Nội vụ	Dài Phát thanh - Truyền hình tỉnh
Hoạt động 6.2	Tổ chức tuyên truyền về Chương trình CCHC trên sóng Phát thanh Lào Cai.	Xây dựng 24 chuyên mục/năm (mỗi tháng 2 chuyên mục)	28			28		Sở Nội vụ	Dài Phát thanh - Truyền hình tỉnh
Hoạt động 6.3	Tuyên truyền Công tác CCHC giai đoạn 2016 – 2020.	- Đối tượng: Đồng bào vùng sâu, vùng cao. - Hình thức: Sân khấu hóa; chiếu phim lưu động	75			75		Sở Văn hóa - TT & DL	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố
Hoạt động 6.4	Hỗ trợ cho các huyện, Tp tuyên truyền về công tác CCHC (30triệu/1huyện x 9 = 270 triệu).	100% các xã, phường, thị trấn được tuyên truyền về công tác CCHC	270			270		UBND các huyện, thành phố	Phòng nội vụ các huyện, thành phố

Hoạt động 6.5	Thực hiện công tác tuyên truyền về công tác CCHC (bằng hình thức in tờ rơi) (KL số 413/KL-TU ngày 20/11/2017)	100% các xã, phường, thị trấn được tuyên truyền về CCHC	100			100			Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố
7	Công tác chỉ đạo điều hành		1.266	60	200	1.006	0	0		
Hoạt động 7.1	Giám sát - Đánh giá Công tác CCHC hàng năm	Tổ chức 2-3 đợt/năm đánh giá kết quả thực hiện CCHC của các cơ quan, đơn vị	52			52			Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố
Hoạt động 7.2	Duy trì, cải thiện và tổ chức đánh giá, xác định hàng năm về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); cấp huyện (DCI).	Hàng năm Duy trì và nâng cao chất lượng chỉ số PCI và chỉ số DCI	200		200				Sở Kế hoạch - Đầu tư	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố
Hoạt động 7.3	Duy trì, cải thiện và tổ chức đánh giá, xác định hàng năm về Chỉ số Cải cách hành chính cấp tỉnh (PAR INDEX)	Hàng năm Duy trì và nâng cao chất lượng chỉ số CCHC của tỉnh.	100			100			Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố
Hoạt động 7.4	Duy trì, cải thiện và tổ chức đánh giá, xác định hàng năm về Chỉ số Công nghệ thông tin (ICT INDEX)	Hàng năm Duy trì và nâng cao chất lượng chỉ số Công nghệ thông tin	60	60					Sở Thông tin - Truyền thông	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố
Hoạt động 7.5	Điều tra sự hài lòng của người dân đối với công tác CCHC	100% các xã, phường, thị trấn được điều tra sự hài lòng về công tác CCHC (1 lần/năm)	250			250			Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố
Hoạt động 7.6	Thực hiện hoạt động của HDND tỉnh	Nâng cao hiệu quả hoạt động của HDND tỉnh	100			100			VP HDND tỉnh	VP HDND tỉnh

Hoạt động 7.7	Nâng cấp, sửa chữa, duy trì hệ thống đánh giá giám sát đánh giá sự hài lòng của người dân đối với cán bộ công chức làm việc tại bộ phận một cửa (bảng cách bấm nút)	Hệ thống bấm nút thường xuyên được sửa chữa, duy trì đường truyền phục vụ người dân đánh giá cán bộ công chức	404			404			Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố
Hoạt động 7.8	Văn phòng phẩm, xăng xe phục vụ cho hoạt động chỉ đạo của cơ quan thường trực CCHC tỉnh	Đảm bảo kịp thời cho hoạt động chỉ đạo của cơ quan thường trực CCHC	100			100			Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
	Tổng cộng		23.320	110	200	23.010	446	90		